TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THUẬN HÓA** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **264**/2025/QĐST-HNGĐ	*Thuận Hóa, ngày 23 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THUẬN HÓA, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 283/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Anh Cao Nhật T**, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A đường C, phường P, quận T, thành phố Huế.

2. **Chị Phan Thị L**, sinh năm 1986; địa chỉ: Số A đường N, phường P, quận T, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Nhật T và chị Phan Thị L đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào ngày 22/01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là phường P, quận T, thành phố Huế (số đăng ký kết hôn 06) nên quan hệ hôn nhân của anh T và chị L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T và chị L chung sống hạnh phúc được hơn 07 năm, đến năm 2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa anh chị có quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên cải vã nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay anh T và chị L không còn tình cảm nên anh chị yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị L không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh Cao Nhật T và chị Phan Thị L.

[2] Về con chung: Anh T và chị L xác nhận có 02 con chung là Cao Thái K, sinh ngày 30/5/2013 và Cao Thái B, sinh ngày 27/01/2021.

Anh T, chị L thỏa thuận giao 02 con chung Cao Thái K và Cao Thái B cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; Anh T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 5.000.000 đồng mỗi tháng cho mỗi con, thời gian cấp dưỡng là kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh T và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh T và chị L xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Cao Nhật T và chị Phan Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25 số 0000949 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Huế. Anh T, chị L đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyên ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Nhật T và chị Phan Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị L thỏa thuận giao hai con chung Cao Thái K, sinh ngày 30/5/2013 và Cao Thái B, sinh ngày 27/01/2021 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; Anh T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 5.000.000 đồng mỗi tháng cho mỗi con, thời gian cấp dưỡng là kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh T và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T và chị L xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Cao Nhật T và chị Phan Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25 số 0000949 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Huế. Anh T, chị L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Thuận Hóa;
- TAND quận Thuận Hóa;
- Chi cục THADS quận Thuận Hóa;
- Các đương sự;
- UBND phường P;
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình